

Bản án số: 59/2017/HS-ST
Ngày: 27 - 12 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Đức;

Ông Trần Đình Phần.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2017/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXX-HS ngày 08 tháng 12 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác **Nguyễn Mạnh T**), sinh năm 1964 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị K), đều đã chết; có vợ là Hoàng Thị P, sinh năm 1969 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án: Ngày 04/3/2014 bị TAND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2016; tiền sự: Ngày 28/12/2016 bị Công an huyện Xuân Trường xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức cảnh cáo; nhân thân: Năm 1997 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/6/2017 đến ngày 30/6/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú để giám định pháp y tâm thần; có mặt.

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo:** Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; là vợ bị cáo T; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Trần Thị N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Ông Đỗ Minh K, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam

Định; vắng mặt.

2. Ông Đỗ Thanh C, sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 23/6/2017, Nguyễn Văn T đi bộ từ nhà ở đến khu vực đường liên xã thuộc xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường rồi đi nhờ xe mô tô của một người đi đường không quen biết đến khu vực dốc H, xã G, huyện G với mục đích tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Tại đây, T gặp và mua của 01 người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ 800.000 đồng được 08 gói nhỏ, bên ngoài đều gói bằng giấy báo trong là chất bột dạng cục màu trắng, T xác định là Heroin cầm cất vào túi quần đang mặc rồi bắt xe máy đi nhờ về nhà, khi đến khu vực Chợ B, Xóm 7, xã X thì T xuống xe đi bộ về nhà. Khoảng 05 giờ 10 phút cùng ngày khi vừa về đến cổng nhà mình thì T bị Tổ công tác Công an huyện Xuân Trường bắt quả tang, thu giữ 08 gói nhỏ do T giao nộp, được niêm phong ký hiệu M, ngoài ra cơ quan Công an còn thu giữ của T 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia đã qua sử dụng. Cùng ngày khám xét nhà T nhưng không thu được gì thêm.

Tại Bản kết luận giám định số 545/GĐKTHS ngày 23/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng trong 08 gói nhỏ thu giữ của Nguyễn Văn T ký hiệu M đều là chất ma túy, loại chất Heroin, trọng lượng M là 1,430 gam.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường đã trưng cầu giám định bệnh tâm thần và khả năng nhận thức của Nguyễn Văn T. Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 334/KLGD ngày 27/9/2017 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Tại thời điểm thực hiện hành vi và tại thời điểm giám định, Nguyễn Văn T bị bệnh Hội chứng nghiện chất có thuốc phiện/Động kinh toàn thể cơn lớn. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F10.2/G40.6. Tại các thời điểm trên, Nguyễn Văn T có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đều không có khiếu nại gì về các bản kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và Viện Pháp y tâm thần Trung ương.

Bản cáo trạng số 54/CT - KSĐT ngày 08/11/2017 của VKSND huyện Xuân Trường truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194; các điểm n, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt Nguyễn Văn T từ 36 tháng đến 39 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo là người nghiện ma túy có

hoàn cảnh khó khăn, đang bị mắc bệnh; Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: tuyên tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số Heroin, trả lại bị cáo và chị Hoàng Thị P số tiền 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng và đề nghị hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo đang bị mắc bệnh để giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo thống nhất với quan điểm của người bào chữa, xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, bị cáo nhận tội, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đều không khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng trên nên đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ được, kết luận giám định nên có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 23/6/2017, Nguyễn Văn T đã có hành vi cất giấu trong người 1,430 (*một phẩy bốn trăm ba mươi*) gam Heroin với mục đích để sử dụng cho bản thân. Mặc dù tại thời điểm thực hiện hành vi bị cáo bị mắc bệnh Hội chứng nghiện chất có thuốc phiện/Động kinh toàn thể cơn lớn, theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F10.2/G40.6 nhưng kết quả giám định của Viện giám định pháp y Trung ương kết luận bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là đúng pháp luật.

[3] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, đã nhiều lần bị kết án phạt tù về các tội phạm ma túy, ngày 28/12/2016 bị Công an huyện Xuân Trường xử phạt hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không chịu sửa chữa, tiến bộ, vẫn tiếp tục tàng trữ ma túy để sử dụng vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc bị cáo theo quy định pháp luật hình sự để răn đe và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích đối với Bản án số 10/2014/HSST ngày 04/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối lỗi; bị cáo đang mắc bệnh động kinh bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm n, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Tại thời điểm xét xử vụ án thì Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã được công bố. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức hình phạt nhẹ hơn quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009 hiện hành. Căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì đây là tình tiết có lợi cho người phạm tội nên được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cần cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] *Về việc áp dụng hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có công việc ổn định, kinh tế gia đình khó khăn, đang mắc bệnh sức khỏe yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Số Hêrôin đã thu giữ của bị cáo được hoàn trả sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 2.000.000 đồng, 01 điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo là tài sản chung của vợ chồng bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho chị Hoàng Thị P.

[8] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ; quá trình điều tra chưa xác định được, cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục điều tra, xác minh nên chưa có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác **Nguyễn Mạnh T**) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194; các điểm n, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Văn T 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2017 đến ngày 30/6/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số Heroin niêm phong trong phong bì thư số 545/GĐKTHS hoàn trả mẫu vật sau giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định;

Trả cho chị Hoàng Thị P số tiền 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia;

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao vật chứng, tài sản số 05/CCTHA và Biên lai thu tiền số 05925 cùng lập ngày 10/11/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Công an huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên